

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 24 - 9- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Quý - Phó bí thư Huyện đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn Sâm - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/TLST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST - HS ngày 07/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Minh T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993;
Sinh trú quán: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Lao động T do; **Trình độ văn hóa:** 12/12.
Con ông: Đỗ Đình B và bà: Đỗ Thị H; **Gia đình có 03 người con, bị cáo T là con thứ 3.** **Vợ:** Lê Thị T G; **Có 02 con.**
Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến ngày 04 tháng 6 năm 2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh

2. Họ và tên: Đinh Công Vinh. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1992.
Sinh trú quán: thôn M 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Nghề nghiệp:** Lao

động T do; Trình độ văn hóa: 07/12.

Con ông: Đinh Văn V và bà: Trần Thị L; Gia đình có 02 người con, bị cáo Vinh là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa .

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

3. Họ và tên: **Nguyễn T L**, Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1986, Sinh trú quán: khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động lự do. Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: Nguyễn Tiến V, Con bà: Trịnh Thị H. Gia đình có 03 người con, bị cáo L là con thứ hai. Vợ: Đỗ Thị L, có 03 con:

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

4. Họ và tên: **Cầm Thị H** , Tên gọi khác: **Cầm Thị Lê T**. Sinh ngày: 01 tháng 10 năm 2004.

Sinh trú quán: Thôn Ngọc T, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ văn hóa: 07/12.

Con ông: Cầm Bá D và bà: Vi Thị D; Gia đình có 03 người con, bị cáo H là con thứ hai. Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

5. Họ và tên: **Đặng Tuyết T**; Tên gọi khác: **Phạm Ngọc T**
Sinh ngày 28 tháng 12 năm 2003.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh T Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ văn hóa: 11/12.

Con ông: Đặng Văn B và bà Bàn Thị N. Gia đình có 02 người con, bị cáo T là con đầu. Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

6. Họ và tên: **Đồng Thị L**; Tên gọi khác: **H**.
Sinh ngày 12 tháng 7 năm 2003.

Sinh trú quán: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ văn hóa: 07/12.

Con ông: Đồng Văn H và bà: Nguyễn Thị D. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3. Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cẩm Thị H và Đặng Tuyết T*: Ông **Trịnh Đình Hợp** - Trợ giúp viên pháp lý, có mặt.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý chi nhánh số 6, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T L và Đồng Thị L*: Bà **Hoàng Thị T**, trợ giúp viên pháp lý, có mặt.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa

- *Người làm chứng*:

1. Anh L Anh T, sinh năm 1993

Trú tại: Khu 3, thị trấn T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Như M, sinh năm 1993

Trú tại: Khu 3, thị trấn T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Phan Văn C, sinh năm 1993

Trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn Minh Thành 1, xã Xuân Bái, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Lê Trạch T, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn 2, xã Xuân Phong, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Lò Minh Q, sinh năm 2003.

Trú tại: xã Na Tá, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

7. Anh Lê Công C, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Phô Neo, xã Nam Giang, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

8. Anh Lê Đ Đ, sinh năm 1998.

Trú tại: xã Bắc Lương, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

9. Chị Lê Thị T T, sinh năm 2002

Trú tại: phố Cao Thượng, thị trấn ngọc lạc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

10. Chị Trịnh Thị Yến N, sinh năm 2002

Trú tại: thôn 2, xã Thọ L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

11. Chị Lò Thị T, sinh năm 2004.

Trú tại Thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

12. Chị Quách Thị T, sinh năm 2003. Vắng mặt

Trú tại; Thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28 tháng 3 năm 2021, Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang tại phòng hát số 1 quán Karaoke Thái Sơn Quán ở thôn Phố Neo, xã Nam Giang, huyện T có Nều nam nữ thanh niên đang sử dụng trái phép chất ma Ty. Chủ quán Lê Trạch T và Lò Minh Q là người làm công cho T có mặt trong khu vực quán hát cùng các đối tượng trong phòng hát được đưa về trụ sở Công an huyện làm việc gồm: Nguyễn T L, Đỗ Minh T, L Anh T (sinh năm 1993) Nguyễn Như M (sinh năm 1993) và Phan Văn C (sinh năm 1993) đều ở thị trấn T, huyện T; Đinh Công Vinh và Nguyễn Minh Đ (sinh năm: 1991) đều ở thôn Minh Thành 1, xã Xuân Bái, huyện T; Đặng Tuyết T, Cầm Thị H, Lò Thị T (sinh ngày 01/5/ 2004; trú tại tổ 3, thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông, Điện Biên), Lê Thị T T (sinh năm 2002; trú tại Phố Cao Thượng, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc), Quách Thị T (sinh ngày 27/5/2003; trú tại Thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước), Trịnh Thị Yến N (sinh năm 2002; trú tại thôn 2, xã Thọ L, huyện T). T giữ tại phòng hát số 1: 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng mặt đĩa bám dính chất bột màu trắng; Chát bột màu trắng, dạng tinh thể được T giữ trên mặt đĩa sứ; 01 (một) thẻ nhựa ATM màu xanh có in nổi chữ Nguyễn T L, bề mặt thẻ bám dính chất bột màu trắng; 01 (một) ống hình trụ tròn được cuộn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), có bám dính chất bột màu trắng; 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 1275/PC09 ngày 04 tháng 04 năm 2021 của Phòng kỹ Tật hình sự (PC09) Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột màu trắng dạng tinh thể T giữ trên mặt đĩa sứ là ma Ty, có tổng khối lượng 0,254g (không phẩy hai năm bốn gam) loại: Ketamine.

- Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt đĩa sứ; chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền polyme mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn

đồng); chất bột màu trắng bám dính trên thẻ ATM màu xanh là ma Ty, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng.

Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Lê Trạch T tại quán Karaoke Thái Sơn Quán T giữ tại bàn thờ thần tài của quán 11(mười một) tờ tiền lẻ (loại 20.000 đồng, 10.000 đồng và 5.000 đồng) được cuộn thành ống hình trụ tròn, tất cả các tờ tiền được niêm phong trong phong bì ký hiệu T.

Tại Bản kết luận giám định số 1277/PC09 ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên các tờ tiền của phong bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định là ma Ty, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận:

Khoảng 23 giờ ngày 27 tháng 3 năm 2021, Đỗ Minh T, Nguyễn T L, Đinh Công Vinh, Nguyễn Minh Đ, Phan Văn C, L Anh T, Nguyễn Như M, Cầm Thị H, Trịnh Thị Yến N, Lò Thị T và Nguyễn Văn Trọng (sinh năm 1990; trú tại xã Xuân Bái, huyện T) cùng hát karaoke tại quán M Định ở khu 5, thị trấn T, huyện T. Trong lúc hát, Trọng gọi T và L ra bên ngoài phòng hát rú T, L mua ma Ty về để cùng mọi người sử dụng thì T, L đồng ý và thống nhất T sẽ chi tiền, hết bao Nêu sẽ chia đều cho ba người. T mượn điện thoại của Nguyễn Như M gọi cho Lê Văn Duẩn (sinh năm 1985; ở khu phố Lam Sơn, thị trấn Lam Sơn, huyện T) hỏi mua 06 viên Tắc lắc (ma Ty loại MDMA) và 01 chỉ ketamine, thống nhất giá cả là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và hẹn nhau ra cầu Bái Thượng Tộc xã Xuân Bái, huyện T giao nhận tiền và ma Ty. Do thiếu tiền nên T mượn của Nguyễn Như M 3.000.000đ (ba triệu đồng) rồi cùng với Nguyễn T L đi taxi 4 chỗ do L điều khiển đến cầu Bái Thượng gặp Duẩn mua được 01 chỉ ketamine và 06 viên Tắc lắc rồi quay lại quán hát M Định. Lúc này khoảng 01 giờ ngày 28 tháng 3 năm 2021, chủ quán hát thông báo đóng cửa không phục vụ. T đưa số ma Ty mua được cho Vinh và bảo Vinh tìm nơi để mọi người sử dụng. Vinh gọi điện thoại cho Lê Trạch T là chủ quán karaoke Thái Sơn Quán ở xã Nam Giang, huyện T để đặt phòng hát và gọi nhân viên nữ đến phục vụ. Cả nhóm đi trên 02 xe ô tô đến Thái Sơn Quán và được Lê Đ Đ là người quản lý quán đưa vào phòng hát Vip 1. Tại đây có 04 nhân viên nữ được chủ quán điều đến là Đặng Tuyết T (tức Phạm Ngọc T) và Đồng Thị L (tức H), Lê Thị T T và Quách Thị T. Vào trong phòng, Vinh lấy Tắc lắc ra chia cho mỗi người ½ viên để sử dụng. Chia Tắc lắc xong T bảo Vinh: “Xào ke để mọi người chơi”. Vinh nói: "Không có đĩa với thẻ để xào". Nghe vậy, Đặng Tuyết T đi ra ngoài phòng hát xuống

bếp tìm một chiếc đĩa sứ màu trắng rồi bật bếp ga hơi nóng mang vào đưa cho Vinh. Nguyễn T L cũng lấy ra một thẻ nhựa ATM màu xanh đưa cho Vinh để xào ketamine. Vinh đưa cho Đồng Thị L 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) bảo L cuộn ống hút. H lấy 03 điếu Tóc lá rút bỏ sợi lọc lấy phần vỏ lụa đưa cho L. L cuộn tờ tiền lại thành ống trụ hình tròn sau đó dùng vỏ lụa đầu lọc Tóc lá gài lại thành ống hút để mọi người hít ketamine. Do bị người khác sàm sỡ nên L bỏ về trước. Đinh Công Vinh cho ketamine vào đĩa sứ, lấy điện thoại bật đèn flash đưa cho H cầm soi cho Vinh dùng thẻ ATM để dằm và đảo ketamine (xào) sau đó chia thành Nều đường nhỏ. Xào xong, H tiếp tục cầm điện thoại soi cho L, Vinh, T, T, T, Yến N, Đ, T dùng ống hút để hít ketamine trên đĩa. Khi H hít ketamine thì Vinh cầm điện thoại soi cho H. Lê Thị T T, Nguyễn Như M và L Anh T cũng có mặt tại phòng hát nhưng không sử dụng ma Ty. Cả nhóm ngồi tại phòng hát nghe nhạc khoảng 30 phút thì bị lực lượng Công an huyện T và Công an xã Nam Giang phát hiện bắt quả tang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Đồng Thị L ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 28 tháng 3 năm 2021 các đối tượng bị bắt giữ được đưa đến Trung tâm y tế huyện T xét nghiệm về ma Ty, kết quả:

+ Nguyễn T L, Đinh Công Vinh, Đỗ Minh T, Đặng Tuyết T, Cẩm Thị H, Lò Thị T, Trịnh Thị Yến N, Nguyễn Minh Đ dương tính với ma Ty MDMA và ma Ty Ketamine.

+ Phan Văn C dương tính với ma Ty MDMA.

+ Quách Thị T dương tính với ma Ty Ketamine.

+ Lê Trạch T, Lò Minh Q dương tính với ma Ty Methamphetamine.

+ Lê Thị T T, Nguyễn Như M, L Anh T, Đồng Thị L âm tính với các loại ma Ty.

Lê Trạch T và Lò Minh Q khai nhận bản thân có sử dụng ma Ty vài ngày trước đó, lúc sử dụng chỉ có một mình, không cùng với ai.

Nguyễn Văn Trọng lợi dụng sơ hở bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định truy nã và tách vụ án đối với bị can Trọng để xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định L Anh T, Nguyễn Như M, Phan Văn C, Nguyễn Minh Đ, Lò Thị T, Lê Thị T T, Quách Thị T, Trịnh Thị Yến N không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty nên Cơ quan điều tra đã trả T do.

Đối với Lê Văn Duẩn có hành vi bán ma Ty cho Đỗ Minh T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Mua bán

trái phép chất ma Ty” và xử lý bằng Bản án số: 56/2021/HSST, ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đối với chủ quán karaoke Lê Trạch T và nhân viên quản lý quán Lê Đ Đ, quá trình điều tra xác định T và Đ không biết các đối tượng Tê phòng hát để sử dụng ma Ty nên không xử lý về hình sự.

Đối với số tiền lẻ T tại bàn thờ thần tài trong quán karaoke có bám dính ketamine, Lê Trạch T và những người có mặt tại quán thời điểm bị bắt quả tang đều khai nhận không biết do đâu mà có, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định nguồn gốc số tiền này.

Các bị cáo Chăm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L khi phạm tội dưới 18 tuổi.

Việc T giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra T giữ một số đồ vật, tài liệu để phục vụ điều tra và đã trả lại cho chủ sở hữu do xác định không liên quan đến hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) thùng giấy được Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa dán kín niêm phong theo quy định bên trong chứa các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành bên trong chứa 11 tờ tiền là các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, sử dụng sim số 0965 995 345 T của Đỗ Minh T.

+ 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng, sử dụng sim số: 0962 847 424, có số imei: 356173097288638 T của Đinh Công Vinh.

Các vật chứng trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 63/CT- VKSTX ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo: Đỗ Minh T, Nguyễn T L, Đinh Công Vinh, Chăm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố .

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử T bố các bị cáo: Đỗ Minh T, Nguyễn T L, Đinh Công Vinh, Chăm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty”;

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự cho Đỗ Minh T; áp dụng thêm điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự cho Nguyễn T L; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự cho các bị cáo: Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho Đồng Thị L

Đề nghị HĐXX xử phạt:

1. Bị cáo Đỗ Minh T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.
2. Bị cáo Đinh Công Vinh 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.
3. Bị cáo Nguyễn T L từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.
4. Các bị cáo: Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L mỗi bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch T tiêu hủy toàn bộ số ma Ty còn lại sau giám định; 01 (một) đĩa sừ dùng để xào ketamine, 03 (ba) đầu tẩu Tốc lá; 01 (một) thẻ ATM màu xanh trên thẻ có in nổi dòng chữ "Nguyễn T L".

- Tịch T sung quỹ nhà nước số tiền 185.000 đồng gồm:
+ 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

- Tịch T phát mại sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 plus màu vàng T của Đỗ Minh T; 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng T của Đinh Công Vinh.

Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 74 ngày 30/8/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

- Về án phí : Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức án thấp nhất.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T L và Đồng Thị L- Bà Hoàng Thị T trình bày ý kiến: Bị cáo Nguyễn T L và Đồng Thị L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ đã mất, gia đình bị cáo L Tộc hộ nghèo, khi phạm tội là người chưa thành niên, sau khi phạm tội đã ra đầu

thú. Đối với bị cáo L là nạn nhân chất độc màu da cam, bị hạn chế về nhận thức, hiện tại đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội. Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Các bị cáo chỉ là đồng phạm với vai trò giúp sức. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điểm s, q khoản 1 điều 51 đối với bị cáo L; áp dụng thêm các Điều 91, 101; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L. Đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ông Trịnh Đình Hợp - Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Chăm Thị H và Đặng Tuyết T trình bày ý kiến: Các bị cáo Chăm Thị H và Đặng Tuyết T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo Tộc hộ nghèo; khi phạm tội là người chưa thành niên, bản thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số. Các bị cáo chỉ là đồng phạm với vai trò giúp sức. Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 91, 101 Bộ luật hình sự; Đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất. Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Minh T, Đinh Công Vinh Nguyễn T L, Chăm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định; Lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Minh T, Đinh Công Vinh Nguyễn T L, Chăm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất

ma Ty”. Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty đối với Nều người và có người dưới 18 tuổi nên các bị cáo phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng trách Nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và c khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự;

[3] Xét về tính chất của vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo là rất lớn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật T quản lý của Nhà nước về các chất ma Ty. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật T an toàn xã hội. Ma Ty là cầu nối của đại dịch HIV, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[5]. Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty, trong đó:

Các bị cáo Đỗ Minh T, Đinh Công Vinh, Nguyễn T L là người chuẩn bị, cung cấp ma Ty, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty tham gia với vai trò người thực hành. Các bị cáo Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L tham gia với vai trò là người giúp sức. Do đó các bị cáo Đỗ Minh T, Đinh Công Vinh và Nguyễn T L được xếp vai trò Cnh trong vụ án và phải chịu trách Nhiệm hình sự cao nhất.

Tuy Nên cần phải phân hóa vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng do hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra.

Đối với Đỗ Minh T là người trực tiếp liên hệ và cùng với Nguyễn T L đi đưa ma Ty cho Vinh và bảo Vinh tìm nơi để mọi người sử dụng. Vì vậy, xét vai trò bị cáo T phải chịu trách Nhiệm hình sự cao nhất.

Đối với bị cáo Vinh, sau khi nhận số ma Ty mà T đưa, Vinh đã tìm nơi để mọi người sử dụng. Vinh là người gọi điện thoại cho Lê Trạch T là chủ quán karaoke Thái Sơn Quán ở xã Nam Giang, huyện T để đặt phòng hát và gọi nhân viên nữ đến phục vụ. Khi vào trong phòng, Vinh lấy Tốc lắc ra chia cho mọi người sử dụng. Đồng thời Vinh: “Xào ke để mọi người chơi”.

Đối với bị cáo Nguyễn T L: L đã cùng Trọng và T bàn bạc mua ma Ty về để sử dụng, bị cáo đã cùng bị cáo T đi mua ma Ty. Sau đó dùng thẻ nhựa ATM đưa cho Vinh để xào ketamine.

Các bị cáo có vai trò giúp sức và có hành vi ngang nhau gồm Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L. Cụ thể, Đặng Tuyết T có hành vi lấy chiếc đĩa sứ màu trắng rồi bật bếp ga hơi nóng mang vào đưa cho Vinh để xào ketamine. Đồng Thị L có hành vi dùng 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn

đồng) cuộn lại thành ống trụ hình tròn sau đó dùng vỏ lụa đầu lọc Tóc lá gài lại thành ống hút để mọi người hít ketamine. H lấy 03 điếu Tóc lá rút bỏ sợi lọc lấy phần vỏ lụa đưa cho L và H cầm điện thoại bật đèn flash soi cho Vinh dùng thẻ ATM để dằm và đảo ketamine (xào). Sau đó H tiếp tục cầm điện thoại soi cho L, Vinh, T, T, T, Yên N, Đ, T dùng ống hút để hít ketamine trên đĩa.

Các đối tượng Lò Thị T, Trịnh Thị Yên N, Nguyễn Minh Đ, Phan Văn C, Quách Thị T có mặt tại phòng hát được cho ma Ty để sử dụng, thời điểm bị bắt quả tang Lò Thị T và Quách Thị T chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy các bị cáo phải chịu áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách Nhiệm hình sự quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự HĐXX thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS;

Bị cáo Đỗ Minh T Đỗ Minh T, đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc cung cấp thông tin để khởi tố điều tra và xử lý đối tượng Lê Văn Duẩn là người bán ma Ty cho T. Sau khi được tại ngoại đã tố giác tội phạm cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Lặc khởi tố 01 đối tượng về hành vi “mua bán trái phép chất ma Ty”; bị cáo có bà nội được vinh danh là bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba và là nạn nhân chất độc da cam, bản thân Đỗ Minh T được cấp “Giấy chứng nhận ưu tiên con em thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, chất độc da cam” nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn T L có bố tham gia kháng chiến chống Mỹ và là nạn nhân chất độc da cam, bản thân Nguyễn T L là đối tượng gián tiếp bị Nễm chất độc da cam bị hạn chế khả năng nhận thức và được hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên hàng tháng theo Quyết định số 03659/LĐ-TBXH ngày 20/5/2001 của Giám đốc Sở Lao động – TBXH tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mẹ là Trịnh Thị Hằng được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục (QĐ số 4244/BGD ngày 20/11/1999) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L khi phạm tội dưới 18 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ, là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, các bị cáo có nhân thân tốt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần

đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình. Bị cáo Đồng Thị L có bồ đề là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng tình tiết khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về hình phạt: HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Mặt khác đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Vì vậy HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Các bị cáo Đỗ Minh T, Nguyễn T L, Cầm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 255 BLHS. Các bị cáo Cầm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L khi phạm tội dưới 18 tuổi nên được áp dụng Cnh sách đối với người chưa thành niên phạm tội;

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo hiện tại kinh tế khó khăn, các bị cáo đều phải chấp hành hình phạt tù nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong vụ án này có đối tượng Nguyễn Văn Trọng lợi dụng sơ hở bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định truy nã và tách vụ án đối với bị can Trọng để xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định L Anh T, Nguyễn Như M, Phan Văn C, Nguyễn Minh Đ, Lò Thị T, Lê Thị T T, Quách Thị T, Trịnh Thị Yến N không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty nên Cơ quan điều tra đã không khởi tố bị can là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn Duẩn có hành vi bán ma Ty cho Đỗ Minh T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Mua bán trái phép chất ma Ty” và đã xử lý bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Như M là người cho Đỗ Minh T mượn điện thoại để gọi cho Lê Văn Duẩn, cho T vay số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để mua ma Ty. Tuy Nên, khi T hỏi vay tiền và mượn điện thoại thì M không hỏi lý do và cũng không biết mục đích của T. Bản thân M khi xét nghiệm âm tính với các chất ma Ty nên không xử lý đối với M là đúng pháp luật.

Đối với chủ quán karaoke Lê Trạch T và nhân viên quản lý quán Lê Đ Đ, quá trình điều tra xác định T và Đ không biết các đối tượng Tê

phòng hát để sử dụng ma Ty nên không xử lý về hình sự.

Đối với số tiền lẻ T tại bàn thờ thần tài trong quán karaoke có bám dính ketamine, Lê Trạch T và những người có mặt tại quán thời điểm bị bắt quả tang đều khai nhận không biết do đâu mà có, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định nguồn gốc số tiền này nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) thùng giấy được Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa dán kín niêm phong theo quy định bên trong chứa các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành bên trong chứa 11 tờ tiền (trong đó có 07 tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ và 03 tờ tiền mệnh giá 20.000đ) là các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, sử dụng sim số 0965 995 345 T của Đỗ Minh T.

+ 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng, sử dụng sim số: 0962 847 424, có số imei: 356173097288638 T của Đinh Công Vinh.

Xét thấy trong số vật chứng trên có 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, sử dụng sim số 0965 995 345 T của Đỗ Minh T và 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng, sử dụng sim số: 0962 847 424, có số imei: 356173097288638 T của Đinh Công Vinh, các bị cáo sử dụng làm công cụ liên lạc khi phạm tội nên tịch T sung vào ngân sách nhà nước. 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50.000đ của Đinh Công Vinh cuộn làm ống hút sử dụng ma Ty; 11 (mười một) tờ tiền các loại (07 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng) không xác định được chủ sở hữu nên tịch T sung vào ngân sách Nhà nước. Số vật chứng còn lại gồm 01 (một) thùng giấy được Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa dán kín niêm phong theo quy định bên trong chứa các mẫu vật còn lại sau giám định và 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng nay không còn giá trị sử dụng nên tịch T, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *T bố*: Các bị cáo: Đỗ Minh T, Đinh Công Vinh, Nguyễn T L, Cầm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty”.
- *Áp dụng*: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 58; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T;
- *Áp dụng*: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Công Vinh.
- *Áp dụng*: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 58; Điểm s, q khoản 1, 2 điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn T L;
- *Áp dụng*: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 58; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Cầm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L. Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đồng Thị L.
- *Xử phạt* :
 1. Bị cáo Đỗ Minh T 06 (sáu) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam 02 tháng 09 ngày (tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2021 đến ngày 04 tháng 6 năm 2021).
 2. Bị cáo Đinh Công Vinh 07 (bảy) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 28 tháng 3 năm 2021).
 3. Bị cáo Nguyễn T L 05 (năm) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 28 tháng 3 năm 2021).
 4. Bị cáo Cầm Thị H 04 năm 10 tháng tù (bốn năm mười tháng tù). Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 28 tháng 3 năm 2021)
 5. Bị cáo Đặng Tuyết T 04 năm 06 tháng tù (bốn năm sáu tháng tù). Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 28 tháng 3 năm 2021)
 6. Bị cáo Đồng Thị L 04 (bốn) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29 tháng 3 năm 2021).
- *Xử lý vật chứng* : Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS:

Tịch T sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, sử dụng sim số 0965 995 345 T của Đỗ Minh T; 01 (một) điện thoại Iphone XS màu vàng, sử dụng sim số: 0962 847 424, có số imei: 356173097288638 T của Đinh Công Vinh và 12 tờ tiền (trong đó có 07 tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ, 03 tờ tiền mệnh giá

20.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ) được đựng trong phong bì niêm phong bên ngoài ghi chữ “Vụ tổ chức sử dụng ma Ty tại Thái Sơn Quán”.

Tịch T tiêu hủy toàn bộ vật chứng vụ án được đựng trong 01 (một) thùng giấy được Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa dán kín niêm phong, bên trong chứa các mẫu vật còn lại sau giám định gồm: 01 thùng giấy ký hiệu M1, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 35cm; 01 thẻ ATM màu xanh in chữ nổi “Nguyễn T L”; 0,209g chất bột màu trắng của phong bì ký hiệu M, 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng và 03 đầu tẩu Tóc lá. Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 74 ngày 30/8/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo: Đỗ Minh T, Nguyễn T L, Đinh Công Vinh, Cẩm Thị H, Đặng Tuyết T và Đồng Thị L mỗi bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an
- Trại tạm giam Công an
- tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đăng Tuấn